

Số: *651* /QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày *23* tháng *02* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đình chỉ hiệu lực một phần phạm vi chỉ định phòng thử nghiệm
ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét Biên bản đánh giá định kỳ Phòng thử nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Quảng Ninh ngày 22/11/2017; Báo cáo đánh giá phòng thử nghiệm của Trưởng đoàn đánh giá được lập theo Quyết định số 550/QĐ-QLCL ngày 20/11/2017;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản và Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:.

Điều 1. Đình chỉ hiệu lực một phần phạm vi chỉ định tại Quyết định số 5231/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Phòng thử nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Quảng Ninh.

Lý do: Các phép thử/nền mẫu không nằm trong phạm vi lĩnh vực đã đăng ký hoạt động thử nghiệm (tính đến ngày 24/01/2018).

Danh mục các phép thử/nền mẫu bị đình chỉ chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, QLCL. 6



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 651 /QĐ-BNN-QLCL ngày 23 / 02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Tên phép thử	Đối tượng phép thử	Giới hạn phát hiện (nếu có) /phạm vi đo	Phương pháp thử
1	Xác định hàm lượng các nguyên tố Nhôm, Bari, Molipden, Natri (Al, Ba, Mo, Na)	Nước dùng, nước thải dùng trong nông nghiệp	Al: 0,01mg/L Ba: 0,03 mg/L Mo: 5 µg/L Na: 0,1 mg/L	TCVN 6665:2011
2	Xác định hàm lượng Pemanganat	Nước dùng trong nông nghiệp		TCVN 6186:1996
3	Xác định hàm lượng hydro sunfua	Nước thải		SMEWW 4500-S ² F
4	Xác định độ cứng	Nước dùng trong nông nghiệp	5 mg/L	TCVN 6224:1996
5	Xác định hàm lượng chì (Pb)	Nước dùng, nước thải nông nghiệp	1 µg/L	TCVN 6193:1996
6	Cảm quan	Thức ăn thủy sản		TCVN 1532:1993
7	Xác định độ ẩm			TCVN 4326:2001
8	Xác định hàm lượng nitơ và hàm lượng protein			TCVN 4328-1:2007
9	Xác định hàm lượng chất béo			TCVN 4331: 2001
10	Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl)			TCVN 4330:1986
11	Xác định hàm lượng nitơ ammoniac			TCVN 3706:1990
12	Xác định chỉ số peroxit			TCVN 6121:2010
13	Xác định chỉ số axit và độ axit			TCVN 6127:2010
14	Xác định hàm lượng phot pho tổng số (P)			TCVN 1525:2001
15	Xác định hàm lượng tro thô			TCVN 4327:2007
16	Xác định hàm lượng canxi (Ca)			TCVN 9588:2013
17	Xác định hàm lượng Chì (Pb)		17,5 µg/kg	AOAC 999.11
18	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)		3,75 µg/kg	
19	Xác định hàm lượng Asen (As)	17,5 µg/kg	AOAC 986.15	

TT	Tên phép thử	Đối tượng phép thử	Giới hạn phát hiện (nếu có) / phạm vi đo	Phương pháp thử
20	Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)		5 µg/kg	AOAC 974.14
21	Xác định hàm lượng Aflatoxin		1,3 µg/kg (B1, G1: 0,5 µg/kg B2, G2: µg/kg)	G.A.C.PP.14 (Phương pháp nội bộ)
22	Xác định hàm lượng Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamin		Clenbuterol 2 µg/kg	G.A.C.PP.12 (Phương pháp nội bộ)
23	Xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí		1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4884:2005 (ISO 4833:2003)
24	Định lượng E.coli		1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 7924-2:2009
25	Định lượng Staphylococci dương tính coagulase		1 CFU/mL 10 CFU/g	TCVN 4830-1:2005
26	Phát hiện Salmonella		Phát hiện/25g	TCVN 4829:2005 (ISO 6579:2002)

Ghi chú: Các phép thử nêu trên không nằm trong phạm vi lĩnh vực đã đăng ký hoạt động thử nghiệm của đơn vị tính đến ngày 24/01/2018.